

Số: 285/BC-ĐKT585

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực
trọng tâm, liên ngành năm 2025

Thực hiện Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 25/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025; Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025 (viết tắt là Đoàn kiểm tra số 585).

Trên cơ sở báo cáo của các tổ kiểm tra về việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong 04 lĩnh vực trọng tâm về: (1) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; (2) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp; (3) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy; (4) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực an sinh xã hội. Đoàn kiểm tra số 585 báo cáo kết quả kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KIỂM TRA

Thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025, Trưởng Đoàn kiểm tra số 585 đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-ĐKT585 ngày 03/9/2025 Thành lập 04 Tổ kiểm tra và phân công các Tổ kiểm tra thực hiện kiểm tra các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, kết quả: 04 Tổ kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tại 156 lượt cơ quan, đơn vị và 02 doanh nghiệp, cụ thể:

(1) Tổ kiểm tra số 1 (Tổ kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, lâm nghiệp): Ban hành Kế hoạch số 01/KH-TKTr ngày 20/9/2025 về kiểm tra liên ngành tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, lâm nghiệp năm 2025; thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực tài nguyên, môi trường và lâm nghiệp qua báo cáo tự kiểm tra đối với 125 cơ quan, đơn vị (gồm: Sở Nông nghiệp và Môi trường và 124 xã, phường trên địa bàn tỉnh).

(2) Tổ kiểm tra số 2 (Tổ kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy): Ban hành Kế hoạch số 01/KH-TKT2 ngày 30/9/2025 về kiểm tra liên ngành tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy năm 2025; thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực Phòng cháy

và chữa cháy đối với **30** cơ quan, đơn vị (*kiểm tra trực tiếp tại 04, cơ quan, đơn vị, gồm: Sở Xây dựng, Sở Công thương, Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân, Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất giấy Chungjiye Tuyên Quang Việt Nam; kiểm tra qua báo cáo đối với 26 đơn vị*¹).

(3) Tổ kiểm tra số 3 (*Tổ kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động trong bối cảnh hậu COVID-19*): Tại Văn bản số 1909/SNV-LĐ&VL ngày 24/9/2025, Sở Nội vụ báo cáo không xây dựng Kế hoạch và tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động trong bối cảnh hậu COVID-19 do không có văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực thi hành có nội dung liên quan đến thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động trong bối cảnh hậu COVID-19.

(4) Tổ kiểm tra số 4 (*Tổ kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19*): Ban hành Kế hoạch số 26/KH-STC ngày 26/9/2025 về Kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19; thực hiện kiểm tra qua báo cáo đối với **03** cơ quan, đơn vị (*gồm: Thuế tỉnh Tuyên Quang, Sở Công thương, Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh khu vực 4*).

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường, lâm nghiệp

1.1. Việc tổ chức, triển khai, tuyên truyền văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường, lâm nghiệp

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện rà soát, đề xuất áp dụng và đề xuất bãi bỏ **79** văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp liên quan đến đất đai, tài nguyên nước và lâm nghiệp (*gồm: 18 Nghị quyết; 61 Quyết định*); tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành **16** văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi đất; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng.

Tổ chức **07** hội nghị tập huấn về lĩnh vực giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuyên truyền phổ biến pháp luật về lĩnh vực Nông nghiệp và môi trường²; 01 cuộc hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2025.

Ủy ban nhân dân cấp xã đã kịp thời triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh trong lĩnh vực đất đai, đặc biệt, công tác quán triệt, phổ biến và thực thi các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền.

¹ Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Ban quản lý khu kinh tế tỉnh; UBND các phường; Hà Giang 1, Hà Gaing 2, An Tường, Nông Tiến, Bình Thuận, Mỹ Lâm; UBND các xã Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa, Hàm Yên, Na Hang, Lâm Bình; Bắc Quang, Vị Xuyên, Quảng Bạ, YÊN MINH, Mèo Vạc, Đồng Văn, Bắc Mê, Hoàng Su Phì, Xí Mần, Quang Bình, Khách sạn Four Point Sheraton Hà Giang thuộc chi nhánh Hà Giang Công ty Cổ phần Vinperart.

² Hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các văn bản quy định chi tiết thi hành, Hội nghị tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai năm 2024 và các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai. Ban hành Kế hoạch kiểm tra việc sử dụng đất đai trên địa bàn xã, phường nhằm tổ chức kiểm soát chặt chẽ, nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, quy hoạch, trật tự xây dựng trên địa bàn mới sau sắp xếp.

1.2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, lâm nghiệp

a) Về tổ chức bộ máy, biên chế

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã bố trí phòng chuyên môn và công chức theo dõi, tham mưu công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân xã, phường giao nhiệm vụ tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, lâm nghiệp trên địa bàn quản lý cho Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường).

b) Về cơ sở vật chất

Về cơ bản, các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã bố trí đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc và kinh phí phục vụ công tác thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên môi trường tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Về kinh phí

Kinh phí quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, lâm nghiệp được bố trí từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước trong kinh phí chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

1.3. Việc tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, lâm nghiệp

- Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nghiêm việc tuân thủ pháp luật trong giải quyết công việc, tạo môi trường làm việc lành mạnh, minh bạch, rõ ràng, đúng pháp luật. Qua đó đã hạn chế được tình hình vi phạm pháp luật về Nông nghiệp và môi trường; hạn chế được khiếu kiện của nhân dân. Thực hiện rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, đúng pháp luật cho các tổ chức và cá nhân có liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; kiểm tra, xác minh đề xuất giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đảm bảo đúng quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện 03 cuộc điều tra, khảo sát với 05 mẫu phiếu điều tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, lâm nghiệp (02 mẫu phiếu điều tra khảo sát về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất; 01 mẫu phiếu điều tra, khảo sát về lập và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; 02 mẫu phiếu điều tra, khảo sát về giao rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng). Hoàn thiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối với 08 trường hợp vi phạm, tổng số tiền là **772.932.000** đồng.

1.4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

** Về Lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất:*

Năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức chưa đồng đều, một số cán bộ, công chức thực hiện giải quyết công việc được giao còn hạn chế; việc xử lý, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính còn chậm.

** Về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước:*

- Các chủ quản lý khai thác hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện lập phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định do nhiều công trình được xây dựng từ rất lâu (trên 20 năm) qua nhiều lần sửa chữa, nâng cấp, đa số không có hồ sơ thiết kế và hồ sơ thu hồi đất nên không có cơ sở để xác định ranh giới đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước công trình.

- Theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, quy định việc cấm mốc giới và bàn giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện phải hoàn thành trước khi thực hiện việc tích nước hồ chứa. Tuy nhiên, còn có trường hợp hồ chứa đã đi vào vận hành nhưng chưa thực hiện bàn giao mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước cho chính quyền địa phương theo quy định.

b) Nguyên nhân

- Việc phối hợp với các cơ quan có liên quan chưa được thực hiện thường xuyên; một số tổ chức, cá nhân chưa tuân thủ theo đúng quy định pháp luật về tài nguyên nước.

- Kinh phí bố trí cho việc tổ chức thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước còn khó khăn.

- Do thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm nên việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật đôi khi còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

1.5. Khó khăn, vướng mắc:

** Về Lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất:*

- Cơ sở dữ liệu đất đai chưa hoàn thiện, còn khó khăn khi tra cứu, xác định ranh giới, nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất; trang thiết bị, máy móc, cơ sở vật chất, trụ sở, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin còn thiếu, không được trang bị đồng bộ, khó khăn trong giải quyết công việc.

- Công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động đất đai, quản lý hồ sơ địa chính còn hạn chế chưa được đầu tư; việc chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, hoàn thiện hồ sơ, sổ sách lưu trữ theo quy định còn hạn chế.

** Về lĩnh vực lâm nghiệp:* Các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các nội dung có liên quan đến việc giao rừng tự nhiên cho cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh; cho thuê rừng đối với các tổ chức có nhu cầu thuê rừng để thực hiện các dự án đầu tư (*bảo tồn cây dược liệu, trồng dược liệu dưới tán rừng, du lịch sinh thái...*); chuyển mục đích sử dụng rừng còn một số vấn đề chưa rõ, chưa thống nhất trong các quy định hiện hành, cụ thể:

- Đối với quy định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thu hồi rừng đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân để thực hiện các công trình, dự án đầu tư

theo quy định của pháp luật: Theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Lâm nghiệp, nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải đảm bảo thống nhất, đồng bộ với giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Theo quy định tại khoản 3 Điều 91 Luật Đất đai 2024 “*chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật dân sự mà bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường thiệt hại...*”. Tuy nhiên, rừng tự nhiên là tài sản công, trường hợp người sử dụng đất được giao rừng tự nhiên mà trong Phương án giao rừng đã thể hiện rõ diện tích, lô khoảnh, trạng thái rừng... được Nhà nước giao để quản lý, bảo vệ (*được hưởng tiền bảo vệ rừng hằng năm từ ngân sách Nhà nước*) khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường tài sản gắn liền với đất rừng.

- Đối với chuyển mục đích sử dụng rừng:

+ Quy định của pháp luật về lâm nghiệp chỉ quy định chuyển mục đích sử dụng rừng đối với diện tích đất có rừng, không quy định chuyển mục đích sử dụng rừng đối với diện tích chưa có rừng (*bao gồm cả diện tích chưa có rừng sau khai thác rừng trồng và diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt tiêu chí thành rừng sau khai thác rừng trồng*) dẫn đến một số đối tượng lợi dụng quy định trên tiến hành khai thác rừng (*rừng trồng do hộ gia đình cá nhân tự trồng*) và đề nghị các ngành chức năng kiểm tra, đánh giá có phải chuyển mục đích sử dụng rừng hay không (*tại thời điểm đề nghị hiện trạng là diện tích chưa có rừng sau khai thác rừng trồng và diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt tiêu chí thành rừng sau khai thác rừng trồng*)...gây khó khăn cho công tác quản lý.

+ Trong xác định tiêu chí dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác: Theo điểm b khoản 3 Điều 41a Nghị định số 156/2018/NĐCP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP*) quy định Dự án cấp thiết phải chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác “*Dự án cấp thiết về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (dự án về giao thông, thủy lợi; dự án hồ nước ngọt, dự án xử lý rác thải trên các đảo); dự án nguồn điện, dự án lưới điện nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội; dự án tôn tạo di tích cách mạng, dự án tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt; dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp; dự án thăm dò, khai thác khoáng sản được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép theo quy định của pháp luật khoáng sản; dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí*”. Tuy nhiên, hiện nay không có các quy định định lượng cụ thể nên không có căn cứ để xác định dự án có đạt tiêu chí hay không.

- Đối với công tác cho thuê rừng: Các dự án đã được thuê đất, hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đồng thời chấp thuận nhà đầu tư nhưng chưa được thuê rừng thì có phải thực hiện các trình tự thủ tục đấu giá cho thuê rừng không?

+ Trường hợp không đấu giá cho thuê rừng theo quy định tại Thông tư 20/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phương pháp định giá rừng; hướng dẫn định khung giá rừng: Nếu không tổ chức đấu giá thì không thể xác định tiền thuê rừng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 19 Thông tư 20/2023/TTBNNPTNT.

+ Trường hợp phải đấu giá cho thuê rừng theo quy định Thông tư 20/2023/TT-BNNPTNT: Không thể thực hiện được trình tự, thủ tục cho thuê rừng theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP do không có quy định cụ thể về việc bố trí kinh phí để thực hiện và trình tự, thủ tục cho thuê rừng (*nguồn kinh phí từ đâu để thực hiện. Có được tính vào giá thuê rừng không. Nếu có thì tính vào giá thuê rừng như thế nào? Việc thực hiện điều tra rừng, đánh giá hiện trạng rừng được thực hiện trước khi tổ chức đấu giá cho thuê rừng. Khi đó, chưa thể xác định được tổ chức trúng đấu giá thuê rừng để yêu cầu chi trả kinh phí. Trong trường hợp, tổ chức đấu giá mà không có đơn vị nào trúng đấu giá thì ai sẽ là người chi trả kinh phí điều tra rừng, đánh giá hiện trạng rừng đã thực hiện?*).

+ Trường hợp đơn vị trúng đấu giá cho thuê rừng là một đơn vị khác với đơn vị đã được thuê đất hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thì giải quyết như thế nào.

2. Lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy

2.1. Việc tổ chức, triển khai, tuyên truyền văn bản về lĩnh vực Phòng cháy và chữa cháy

- Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền các văn bản pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thông qua nhiều hình thức như: Qua các cuộc họp cơ quan, sinh hoạt chi bộ, cũng như thông qua các hoạt động của các tổ chức đoàn thể. Triển khai các quy định mới về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, trọng tâm là: Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Phối hợp với Cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Ủy ban nhân dân xã, phường đã thực hiện tốt trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thực hiện kiểm tra các quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với nhà ở, nhà kết hợp sản xuất, kinh doanh cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý; tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến giáo dục kiến thức phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng các phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thành lập các tổ chức quản lý đội dân phòng trên địa bàn theo đúng quy định.

2.2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy

a) *Về nguồn nhân lực:* Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã thành lập đội Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại cơ quan, đơn vị.

b) *Về cơ sở vật chất, kinh phí:* Về cơ bản, các cơ quan, đơn vị đã trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và thực hiện lập quản lý hồ sơ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

2.3. Tình hình tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy

Các cơ quan, đơn vị đã ban hành nội quy về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phương án chữa cháy; về cơ bản đã lập hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý bảo đảm đủ thành phần quy định tại Điều 4 Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; khai báo cập nhật dữ liệu về phòng cháy chữa cháy trên phần mềm cơ sở dữ liệu. Thực hiện kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo định kỳ và báo cáo theo đúng quy định.

2.4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Việc tổ chức tập huấn nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Chất lượng công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại một số Ủy ban nhân dân cấp xã chưa cao, công tác kiểm tra xử lý vi phạm hành chính hiệu quả thấp, chưa rà soát, lập danh mục các cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo trách nhiệm quản lý.

- Việc thành lập đội Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa lập hồ sơ quản lý về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho trụ sở làm việc; chưa thành lập và duy trì hoạt động đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở; chưa mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và bố trí lối thoát nạn không đảm bảo theo quy định; chưa trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

b) Nguyên nhân

- Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP có nhiều thay đổi và nội dung mới về quy định chức năng nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nhưng một số đơn vị chưa tổ chức nghiên cứu nắm rõ trách nhiệm, nhiệm vụ nội dung để triển khai thực hiện.

- Một số Ủy ban nhân dân xã, phường chưa thực sự quan tâm đến công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; có một số Ủy ban nhân dân xã, phường có biểu hiện phó mặc cho lực lượng Công an xã.

- Một số người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm đến công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trụ sở; chưa có nguồn kinh phí bố trí cho các hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

2.5. Khó khăn, vướng mắc: Không.

3. Lĩnh vực thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động trong bối cảnh hậu COVID-19

Tại Văn bản số 1909/SNV-LĐ&VL ngày 24/9/2025 của Sở Nội vụ về kiểm tra, liên ngành tình hình thi thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân người lao động, người sử dụng lao động trong bối cảnh hậu COVID-19, Sở Nội vụ báo cáo không xây dựng Kế hoạch và tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động trong bối cảnh hậu COVID-19 do không có văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực thi hành có nội dung liên quan đến thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động trong bối cảnh hậu COVID-19.

4. Lĩnh vực thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19

4.1. Việc tổ chức, triển khai, tuyên truyền văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Chương trình hành động số 05/CT-UBND ngày 10/3/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, trong đó xác định 05 quan điểm chỉ đạo, 03 mục tiêu tổng quát và 05 nhóm giải pháp chủ yếu, làm cơ sở để các ngành, địa phương tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách phục hồi kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và bảo đảm an sinh xã hội.

Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) đã ban hành các văn bản triển khai các chính sách của Trung ương trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang (nay là Thuế tỉnh) ban hành **14** văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai kịp thời các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế và tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh khu vực 4 đã thực hiện ban hành **12** văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, kế hoạch thực hiện. Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan trong tỉnh, tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương theo quy định. Sở Công thương ban hành **09** văn bản chỉ đạo Công ty Điện lực Tuyên Quang triển khai thực hiện chính sách giảm giá điện đúng đối tượng, đúng thời gian quy định.

4.2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật trong lĩnh vực thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19

a) *Về tổ chức bộ máy, biên chế:* Về cơ bản, các cơ quan, đơn vị đều bố trí nhân lực phục vụ công tác triển khai thi hành pháp luật trong lĩnh vực thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19.

b) *Về cơ sở vật chất, kinh phí:* Các cơ quan, đơn vị đã bố trí đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện và kinh phí phục vụ công tác triển khai thi hành pháp luật trong lĩnh vực thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19.

4.3. Tình hình tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19

a) Chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế

Từ năm 2023-2024, toàn tỉnh đã có **6.129** lượt người nộp thuế được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ về thuế với tổng số tiền được hỗ trợ là **2.595.139.463.729** đồng, trong đó số thuế được giảm là **2.047.454.618.068** đồng và số thuế được gia hạn là **547.684.845.661** đồng.

b) Chính sách gia hạn, miễn, giảm tiền thuê đất

Toàn tỉnh có **452** lượt người nộp thuế được hưởng chính sách gia hạn, miễn, giảm tiền thuê đất với tổng số tiền hỗ trợ là **52.913.427.442** đồng, trong đó số tiền thuê đất được giảm là **31.468.169.828** đồng và số tiền được gia hạn là **21.445.257.614** đồng.

c) Chính sách gia hạn, miễn, giảm phí và lệ phí

Trong giai đoạn 2023-2024, trên địa bàn tỉnh đã có **39** lượt người nộp thuế được hưởng chính sách miễn, giảm phí và lệ phí với tổng kinh phí hỗ trợ là **5.614.277.434** đồng. Việc thực hiện chính sách giảm phí, lệ phí được triển khai thống nhất theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định và đúng đối tượng.

d) Chính sách hỗ trợ lãi suất

Tổng hợp kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các ngân hàng: Tổng dư nợ cho vay đạt **3.067** tỷ đồng, với **311.064** khách hàng đang còn dư nợ. Trong đó, đối với các ngân hàng có số liệu chi tiết (*Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam*) có **76** doanh nghiệp được hỗ trợ với tổng số tiền hỗ trợ là trên **666** triệu đồng và **158** hộ kinh doanh được hỗ trợ với số tiền trên **1.125** triệu đồng.

đ) Chính sách hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện cho các khách hàng sử dụng điện

Tại Văn bản số 1204/STC-NL ngày 08/10/2025 của Sở Công thương báo cáo tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024 không thực hiện chính sách hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện cho các khách hàng sử dụng điện trong bối cảnh dịch COVID-19.

4.4. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế:

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19 còn hạn chế.

- Số liệu tổng hợp, báo cáo về thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19 của một số ngân hàng thương mại chưa đầy đủ, kịp thời.

b) Nguyên nhân

- Do thay đổi hệ thống phần mềm ứng dụng nội bộ của một số ngân hàng thương mại và do quá trình hợp nhất dữ liệu khi sáp nhập địa giới hành chính, vì vậy việc

tổng hợp số liệu báo cáo không đầy đủ, kịp thời.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hậu COVID-19 của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế, chưa kịp thời.

4.5. *Khó khăn, vướng mắc:* Không.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Bộ Công an

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ thuộc ngành quản lý.

- Bổ sung nguồn kinh phí để phục vụ công tác tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ và trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

2. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Ban hành tiêu chí cụ thể xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên và đảm bảo các đối tượng không lợi dụng các quy định chưa chặt chẽ để không thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng đối với đất chưa có rừng sau khai thác hoặc đất đất trồng rừng chưa thành rừng sau khai thác rừng.

- Xem xét, sửa đổi, bổ sung, thay thế theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản còn có nội dung chưa rõ, chưa thống nhất nêu tại khoản 2.5 Mục II Báo cáo này.

- Có văn bản hướng dẫn việc sử dụng nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường để sử dụng cho cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước, giám sát hoạt động phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước. Xây dựng lộ trình kế hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước cho các địa phương đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp với Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm bố trí kinh phí bảo đảm nguồn kinh phí cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy; kinh phí để thực hiện công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai, hiện đại hoá hệ thống quản lý đất đai tỉnh Tuyên Quang sau sáp nhập; kinh phí thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước từ nguồn ngân sách Nhà nước để tổ chức thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

4. Đề nghị các cơ quan, đơn vị được kiểm tra nghiêm túc rút kinh nghiệm, chủ động khắc phục những tồn tại, hạn chế được nêu tại Phần II Báo cáo này; tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện pháp luật và các văn bản của Trung ương, của tỉnh có liên quan đến lĩnh vực Phòng cháy và chữa cháy; lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; đồng thời, tăng cường công tác tập huấn, phổ biến pháp luật, quan tâm bố trí nguồn lực, kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật trong những lĩnh vực này.

Trên đây là Báo cáo kết quả kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; | (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh; |
- Các Sở: NV; TC; NN&MT;
- Công an tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Thành viên ĐKT số 585;
- Các đơn vị được kiểm tra;
- Trang TTĐT STP;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, XDKTVB&THPL.

(NT. Nguyệt 10b).

**KT. TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
Cam Thị Anh Vân**